

HƯỚNG DẪN HỌC NGOẠI NGỮ 2 Ở ULIS

Áp dụng từ Khóa QH.2022

Sinh viên thuộc CTĐT nào/ khóa nào thì cần tuân thủ yêu cầu về CDR NN2 đối với CTĐT đó.

Sinh viên các khóa trước QH.22 học cùng QH.22 đối chiếu bảng dưới đây để chọn học phần tương đương:

STT	QH.18 về trước	QH.2019 đến QH.2021	Từ QH.2022
1	CS1+ CS2	Tiếng Anh CLC1 (CTĐT CLC)	Tiếng Anh B1
	CS1- CS3	Tiếng Anh B1 (CTĐT Chuẩn)	
2	CS3+ CS4	Tiếng Anh CLC2	Tiếng Anh B2
3	CS1+ CS2	Ngoại ngữ khác tiếng Anh CLC1	NN khác B1
	Cs1-CS3	Ngoại ngữ khác tiếng Anh B1 9 CTĐT Chuẩn)	
4	CS3+ CS4	Ngoại ngữ khác tiếng Anh CLC2	NN khác B2

Ví dụ: Sinh viên QH.2018 cần học tiếng Anh CS1, CS2 thì đăng kí học B1 cùng QH.2022. Sinh viên QH.2019 cần học tiếng Anh CL2 thì đăng kí tiếng Anh B2 cùng Qh.2022

	NỘI DUNG CHÍNH	Mục lục
	Các từ viết tắt Các nguyên tắc chung	
1	1. Chuẩn đầu ra NN2 1.1 Yêu cầu về Chuẩn đầu ra NN2 1.2 Lộ trình học ngoại ngữ 2	
2	2. Bài thi sát hạch đầu khóa học và thông tin học phần 2.1 Bài thi sát hạch 2.2 Thông tin về các học phần trong CTĐT 2.3 Thông tin về các học phần ngoài CTĐT	
3	3. Các trường hợp được miễn học/ miễn thi và việc hoàn trả học phí các HP được miễn 3.1 Các trường hợp được miễn học, miễn thi 3.2 Việc hoàn trả học phí	
4	4. Quy định về việc hậu kiểm các chứng chỉ ngoại ngữ 4.1 Lịch nộp 4.2 Quy trình nộp	
5	5. Đăng kí Lớp học phần NN2 và đăng kí học lại, học cải thiện điểm 5.1 Đăng kí lớp học phần 5.2 Đăng kí học lại, học cải thiện điểm 5.3 Đổi ngoại ngữ 2 5.4 Mã các học phần NN2	
6	6. Các địa chỉ cần biết	
7	7. Những câu hỏi thường gặp	

HƯỚNG DẪN HỌC NGOẠI NGỮ 2 Ở ULIS

Tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong Chương trình đào tạo đại học chính quy ở Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN Áp dụng cho sinh viên từ khóa QH.2022

Phòng Đào tạo trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm Quyết định số 5115/QĐ- ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (Gọi tắt là Quy chế 5115)

Căn cứ Quyết định số 2078/ QĐ- ĐHQGHN ngày 03 tháng 07 năm 2019 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành các môn học thuộc khối kiến thức chung.

Căn cứ Công văn số 4116/ĐHQGHN- ĐT ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo bậc đại học của ĐHQGHN.

Căn cứ Hướng dẫn 1139/ HD - ĐHNH ngày 23 tháng 09 năm 2019 của Hiệu trưởng trường ĐHNH- ĐHQGHN về việc tổ chức giảng dạy các học phần ngoại ngữ ở ĐHNH - ĐHQGHN.

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN ban hành hướng dẫn chi tiết về việc đào tạo các học phần ngoại ngữ 2 như sau:

Các từ viết tắt:

Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN:	ĐHNH
Ngoại ngữ 2:	NN2
Học phần:	HP
Lớp học phần:	LHP
Chuẩn đầu ra:	CĐR
Chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế:	CCQT
Tiếng Anh tăng cường:	TATC
Sinh viên Chương trình đào tạo chất lượng cao theo đề án của trường:	SV CLC

Nguyên tắc chung:

- Các HP NN2 là HP điều kiện nhưng được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo và là các học phần bắt buộc. Sinh viên được đánh giá trình độ NN theo khung năng lực 06 bậc dùng cho Việt Nam. Kết quả đánh giá các HP ngoại ngữ không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy GPA nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.

- Các HP NN2 trong chương trình đào tạo gồm: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Thái. Sinh viên khoa Sư phạm tiếng Anh được **chọn** NN2 là các thứ tiếng trừ tiếng Anh. Sinh viên các ngành Ngôn ngữ bắt buộc học tiếng Anh. Sinh viên các ngành sư phạm được chọn hoặc tiếng Anh/ hoặc không phải tiếng Anh.

- Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ ngay từ đầu khóa học được miễn các học phần ngoại ngữ cơ bản và cần đăng kí các học phần thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần thay thế \geq tổng số tín chỉ NN2 được miễn. Các học phần thay thế, sinh viên không phải đóng học phí.

- Sinh viên chưa có chứng chỉ: Nếu học tiếng Anh, thi sát hạch trình độ để xếp lớp phù hợp. Nếu học các ngoại ngữ khác tiếng Anh, không cần thi sát hạch trình độ đầu vào.

- Sau khi học lần lượt các học phần, sinh viên cần thi đạt chứng chỉ ngoại ngữ để minh chứng đã hoàn thành Ngoại ngữ 2 theo yêu cầu của CTĐT. Minh chứng này cần được nộp cho Phòng Đào tạo theo quy định trong thông báo (nếu là chứng chỉ thi ở các đơn vị tổ chức ngoài ULIS), nộp cho Văn phòng Khoa nếu là chứng chỉ thi ở Trung tâm Khảo thí của ĐHNN.

- Trước khi đăng kí lớp học phần, sinh viên phải cân nhắc cẩn thận về ngoại ngữ 2 mình muốn học. Nhà trường không khuyến khích sinh viên đổi NN2 trong quá trình học. Các ngoại ngữ 2 thường có nhiều lớp và chỗ trống để lựa chọn là Pháp, Đức, Thái. Các ngoại ngữ hay được chọn là Trung, Nhật, Hàn nhưng số lượng có hạn. Các lớp mở mới chỉ có ở học kì 1.

Những sinh viên đáp ứng các quy định tại mục 3 của Hướng dẫn này được phép miễn thi, miễn học.

1. Chuẩn đầu ra

1.1 Yêu cầu về Chuẩn đầu ra

Các đối tượng sinh viên thuộc các Khoa khác nhau có yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ thứ 2 khác nhau. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ thứ 2 được ban hành dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

	Y/c CĐR	NN2 phải học
NN Anh	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh
SP Anh	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh
SP Anh CLC	Bậc 4	Ngoài Tiếng Anh
NN khác	Bậc 4	Tiếng Anh
SP khác	Bậc 3	Tiếng Anh
	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh

Để hoàn thành các học phần ngoại ngữ 2, sinh viên có các cách sau:

- **Cách 1 (khuyến cáo):** Đăng kí học NN2 ngay khi vào trường, lần lượt các học phần theo TKB. Sv đăng kí học theo cách này **được miễn phí thi lấy chứng chỉ** sau khi kết thúc học phần tại Trung tâm Khảo thí của trường.

- **Cách 2:** Thi để lấy chứng chỉ ngoại ngữ, sau đó nộp để phủ điểm. (*Quy định về chứng chỉ ngoại ngữ xem chi tiết tại mục 3.1 của Hướng dẫn này*). Sinh viên phải tự trả phí để tham gia các kì thi này.

Vì các lí do khác nhau, trường hợp sinh viên không đăng kí học tại trường, sinh viên phải tự chịu trách nhiệm với lựa chọn của mình.

Lộ trình học các HP ngoại ngữ cùng thông tin về các học phần như sau:

	Y/c CĐR	NN2 phải học	HK1 + HK2		HK3 + HK4	
NN Anh	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ	B2 60 giờ	B2 60 giờ
SP Anh	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ	B2 60 giờ	B2 60 giờ
SP Anh CLC	Bậc 4	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ	B2 60 giờ	B2 60 giờ
SP khác SPA	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ		
			HK1		HK2	
NN khác NNA	Bậc 4	Tiếng Anh	B1 120 giờ		B2 120 giờ	
SP khác	Bậc 3	Tiếng Anh	B1 120 giờ			

2. Bài thi sát hạch đầu khóa học và thông tin về học phần

2.1 Bài thi sát hạch

Trường ĐHNH tổ chức kì thi sát hạch đầu vào dành cho sinh viên chọn ngoại ngữ 2 là tiếng Anh vào đầu mỗi năm học. Sinh viên học các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh không cần thi sát hạch.

Sinh viên cần theo dõi thông báo của Nhà trường về việc tổ chức thi để đăng kí theo thời gian được chỉ định.

Kết quả bài thi sát hạch chia người học thành 9 trình độ khác nhau, cụ thể như sau:

Trình độ	A0	A1	A2-	A2	A2+	B1-	B1	B1+	B2-	B2
Mức điểm	0-1	1.2-2	2.1-3	3.1-4	4.1-5	5.1-6	6.1-7	7.1-8	8.1-9	9.1-10

Căn cứ kết quả thi, sinh viên đăng kí các LHP phù hợp với mức điểm mà mình đạt được. Việc đăng kí sai LHP có thể sẽ bị xem xét kỉ luật tùy mức độ vi phạm

Xem định dạng bài thi sát hạch ở phụ lục 1 của hướng dẫn.

2.2 Thông tin về các học phần trong CTĐT

2.2.1 Các học phần trong CTĐT Chuẩn

Các học phần Ngoại ngữ 2 CTĐT chuẩn các ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm khác SPA có yêu cầu CĐR là bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Học phần Ngoại ngữ 2 có tên gọi là Ngoại ngữ B1 gồm 5 tín chỉ, thời gian dạy trên lớp là 120 giờ chia 02 học kỳ, mỗi học kỳ học 60 giờ, mỗi tuần học 6 giờ.

Học phần ngoại ngữ 2 B2 gồm 5 tín chỉ, thời gian dạy trên lớp là 120 giờ chia 02 học kỳ, mỗi học kỳ học 60 giờ, mỗi tuần học 6 giờ.

Đối với học phần Ngoại ngữ 2 là tiếng Anh, sinh viên tham gia bài thi sát hạch đầu khóa học để được xếp lớp phù hợp với trình độ. Đối với các học phần Ngoại ngữ 2 ngoài tiếng Anh, sinh viên không cần tham gia bài thi sát hạch đầu vào.

Các học phần ngoại ngữ 2 tiếng Anh							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CĐR/MH	Hình thức kiểm tra đánh giá
Tiếng Anh B1	Đạt B1-	5	FLF1107B	120 6 tiết/ tuần	1 học kỳ	Bậc 3	Bài thi kết thúc học phần là bài thi xác định điểm môn học. Điểm môn học = Tiến độ 1 x 20% + tiến độ 2 x 20% + Bài thi giữa kì 60%. Sinh viên có kết quả thi ≥ 4 : Đạt điểm môn học.
Tiếng Anh B2	Đạt B2-	5	FLF1107B	120 6 tiết/ tuần	1 học kỳ	Bậc 4	Điểm môn học được tính như cách tính HP Tiếng Anh B1.
Các học phần ngoại ngữ 2 ngoài tiếng Anh							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CĐR/MH	Hình thức kiểm tra đánh giá
Ngoại ngữ B1	Không thi sát hạch	5	Theo CTĐT	120 6 tiết/ tuần	2 học kỳ	Bậc 3	Bài thi kết thúc học phần là bài thi xác định điểm môn học. Điểm môn học là điểm trung bình cộng của 2 học kỳ, cụ thể như sau: Điểm MH = (Điểm MH HK 1 + Điểm MH HK 2)/2 Trong đó: Điểm môn học HKI = Tiến độ 1 x 20% + tiến độ 2 x 20% + Bài thi giữa kì 60%. Điểm Môn học HKII = Tiến độ 1 x 20% + tiến độ 2

							x 20% + Bài thi cuối kì 60% Sinh viên có kết quả thi >=4: Đạt điểm môn học.
Ngoại ngữ B2	Không thi sát hạch	5	Theo CTĐT	120 6 tiết/ tuần	2 học kì	Bậc 4	Điểm môn học được tính như cách tính HP Tiếng Anh B1.

2.2.2 Kiểm tra đánh giá kết quả học phần

Xem Hình thức kiểm tra đánh giá trong mục 2.2.1

Các khoa đào tạo quy định cụ thể về hình thức kiểm tra đánh giá và tỉ trọng điểm, thể hiện trong đề cương học phần và thông báo cho người học.

	Y/c CDR	NN2 phải học	HK1 +HK2		HK3 + HK4	
NN Anh	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ	B2 60 giờ	B2 60 giờ
			Điểm MH = (HK1 + HK2)/2		Điểm MH = (HK3 + HK4)/2	
SP Anh	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ	B2 60 giờ	B2 60 giờ
			Điểm MH = (HK1 + HK2)/2		Điểm MH = (HK3 + HK4)/2	
SP Anh CLC	Bậc 4	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ	B2 60 giờ	B2 60 giờ
			Điểm MH = (HK1 + HK2)/2		Điểm MH = (HK3 + HK4)/2	
SP khác SPA	Bậc 3	Ngoài Tiếng Anh	B1 60 giờ	B1 60 giờ		
			Điểm MH = (HK1 + HK2)/2			
			HK1		HK2	
NN khác NNA	Bậc 4	Tiếng Anh	B1 120 giờ		B2 120 giờ	
			Điểm MH = HK1		Điểm MH= HK2	
SP khác	Bậc 3	Tiếng Anh	B1 120 giờ			
					Điểm MH = HK1	

2.3 Thông tin về các học phần ngoài CTĐT

2.3.1 Chương trình tiếng tăng cường (chỉ dành cho sinh viên học tiếng Anh)

Bên cạnh học phần Tiếng Anh B1 trong CTĐT, Nhà trường xây dựng các chương trình Tiếng Anh tăng cường dành cho đối tượng người học chưa đạt yêu cầu năng lực để học Tiếng Anh B1. Thông tin cụ thể như sau:

Học phần	Mức điểm sát hạch	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Hình thức kiểm tra đánh giá
Tiếng Anh tăng cường 1 (Khuyến khích tham gia)	Từ A0 đến A1	90 6 tiết/ tuần	1 học kì	Bài thi kiểm tra tiến độ.
Tiếng Anh tăng cường 2 (Khuyến khích tham gia)	Từ A2- đến A2+	90 6 tiết/ tuần	1 học kì	Thi bài thi hết học phần (có nội dung và tính chất như bài thi sát hạch đầu vào). Sinh viên có kết quả Đạt được phép đăng kí học phần Tiếng Anh B1.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu của người học, nhà Trường mở các lớp tiếng Anh tăng cường để bổ sung, bồi dưỡng kiến thức cho các sinh viên chưa đạt năng lực vào học các học phần chính khóa. Các khóa học này không bắt buộc, và người học cần trả phí để tham gia các lớp học ngoài chương trình đào tạo này. Kết thúc khóa học, sinh viên có kết quả đạt được phép đăng kí học phần tiếng Anh B1. Trong trường hợp không tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường, sinh viên cần nộp chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 để được phép đăng kí học phần B1 trong CTĐT.

2.3.2 Chương trình tiếng Anh bổ trợ (chỉ dành cho sinh viên học tiếng Anh)

Nhằm hỗ trợ sinh viên theo học Ngoại ngữ 2 là Tiếng Anh, Nhà trường xây dựng các chương trình tiếng Anh bổ trợ, cụ thể như sau:

Chương trình tiếng Anh bổ trợ 1 (English booster): Dành cho những sinh viên chưa đạt năng lực tiếng Anh B1. Thời lượng 120 giờ, tổ chức giảng dạy trong 01 học kỳ, mỗi tuần học 8 tiết.

Chương trình tiếng Anh bổ trợ 2 (English finisher): Dành cho những sinh viên đã học xong Hp tiếng Anh B2 nhưng chưa đạt CDR bậc 4. Thời lượng 120 giờ, tổ chức giảng dạy trong 01 học kỳ, mỗi tuần học 8 tiết.

Các học phần bổ trợ là học phần miễn phí.

Thông tin chi tiết về các chương trình tiếng Anh bổ trợ cho sinh viên CLC như sau:

Các học phần ngoại ngữ 2 tiếng Anh ngoài CTĐT							
Học phần	Mức điểm sát hạch	Số tín chỉ	Mã học phần	Số giờ trên lớp	Thời gian học	Yêu cầu CDR/MH	Hình thức kiểm tra đánh giá
Tiếng Anh Bổ trợ 1 (Bắt buộc đăng kí)	Không đạt B1	5	FLF1111	120	1 học kỳ	Đạt MH	Thi hết học phần. Điểm môn học được tính như cách tính HP tiếng Anh B1. Sinh viên có kết quả Đạt đủ điều kiện để học tiếng Anh B1
Tiếng Anh Bổ trợ 2 (Bắt buộc đăng kí)	Không đạt Tiếng Anh B2	5	FLF2222	120	1 học kỳ	Đạt MH	Dành cho sinh viên không đạt điểm MH

3. Các trường hợp được miễn học và hoàn trả học phí các học phần được miễn.

3.1 Các trường hợp được miễn học NN2

Hàng năm, Nhà trường tiến hành thu các chứng chỉ ngoại ngữ để miễn học cho sinh viên vào 04 đợt. Các chứng chỉ cần đảm bảo 02 điều kiện sau:

- + Còn thời hạn sử dụng (theo thời gian ghi trên chứng chỉ).
- + Đáp ứng yêu cầu CDR của CTĐT tương ứng.

Thông thường, lịch nộp chứng chỉ sẽ diễn ra trước các đợt xét tốt nghiệp 01 tháng. Với sinh viên mới nhập trường, nếu đã có các chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp, cần nộp về Văn phòng Khoa trước kì thi sát hạch để được miễn thi. Việc miễn học thực hiện theo quy trình ở mục 4 của HD này. Từ khóa QH.2017 đến hết khóa QH.2021, những sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ để miễn học từ đầu khóa học (ngay khi nhập học) mới đủ điều kiện để hoàn trả học phí các HP được miễn (căn cứ theo quy định thu học phí của Phòng Kế hoạch Tài chính ban hành). Từ khóa QH.2022, sinh viên không được hoàn trả học phí NN2 các học phần được miễn, mà bắt buộc đăng kí các học phần ngoại ngữ thay thế. Trong trường hợp sinh viên không đăng kí học các học phần thay thế, sinh viên được coi như từ chối quyền lợi của mình.

- Sinh viên được miễn học các học phần ngoại ngữ cơ sở (B1, B2) nếu thuộc một trong những đối tượng sau:

+ Đã tham gia kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do các đơn vị được phép cấp chứng chỉ ngoại ngữ do Bộ GD-ĐT quy định đạt yêu cầu về CDR trình độ ngoại ngữ. Một số đơn vị cấp chứng chỉ phổ biến sau:

- Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN (ULIS)
- Đại học Hà Nội (HANU)
- Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế (HUCFFL)
- Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (UFLS)
- Đại học Sư phạm Hà Nội (HNUE)

+ Có các chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế phù hợp.

3.2 Lịch thi các chứng chỉ ngoại ngữ

- Xem thông tin về bài thi Vstep tại Vstep.vn
- Xem thông tin về các bài thi IELTS tại: britishcouncil.vn
- Xem thông tin về các bài thi TOEIC, TOFFLE tại: iigvietnam.com
- Xem thông tin về bài thi HSK tại: chinesetest.cn
- Xem thông tin về bài thi JLPT tại: jpf.org.vn
- Xem thông tin về bài thi TOPIK tại topikhanoi.com
- Xem thông tin về bài thi DELF tại delfdalf.fr

Lưu ý: Việc hậu kiểm các chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị nói trên cấp có thể mất một khoảng thời gian nhất định. Trong trường hợp công văn trả lời về tính xác thực không kịp thời/ hoặc không trả lời đề nghị hậu kiểm, P. Đào tạo sẽ xem xét để chuyển việc công nhận chứng chỉ cho sinh viên sang đợt sau.

+ Có các chứng chỉ Quốc tế đạt kết quả tương ứng với yêu cầu về Chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định. Bảng tham chiếu quy đổi CCQT thông dụng như sau:

Áp dụng theo Cv 4116 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc Gia Hà Nội

**TỪ 01/05/2021, BẢNG QUY ĐỔI NÀY SẼ CÓ HIỆU LỰC,
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC KHÓA HỌC**

Theo Công văn số 4116/ĐHQGHN-ĐT ngày 14 tháng 12 năm 2021

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)
Bậc 5	6.5	627 ITP 95 iBT	Reading 455 Listening 490 Speaking 180 Writing 180	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	C1 (Advanced)	VSTEP.3-5 (8.5)

Một số thứ tiếng khác (*)

1. Tiếng Nga

Khung năng lực ngoại ngữ VN	ТРКИ	Bài thi ĐGNLNN tiếng Nga bậc 3-5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN	Bài thi ĐGNLNN tiếng Nga bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	ТРКИ-1	B1	C1
Bậc 4	ТРКИ-2	B2	
Bậc 5	ТРКИ-3	C1	

2. Tiếng Pháp

Khung năng lực ngoại ngữ VN	DELTA-DALF	TCF	Bài thi ĐGNLNN tiếng Pháp bậc 3-5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN	Bài thi ĐGNLNN tiếng Pháp bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	DELTA B1	TCF B1	B1	C1
Bậc 4	DELTA B2	TCF B2	B2	
Bậc 5	DALF C1	TCF C1	C1	

3. Tiếng Trung

Khung năng lực ngoại ngữ VN	HSK	Bài thi ĐGNLNN tiếng Trung bậc 3-5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN	Bài thi ĐGNLNN tiếng Trung bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	HSK Bậc 3	B1	C1
Bậc 4	HSK Bậc 4	B2	
Bậc 5	HSK Bậc 5 và HSK K cao cấp	C1	

4. Tiếng Đức

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Goethe-Zertifikat	TELC Deutsch	DSD	ÖSD - Zertifikat	TestDaF	ECL	Bài thi ĐGNLNN tiếng Đức bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	B1	B1	I	B1	TDN3	B1	C1
Bậc 4	B2	B2	II (Viết/ nói: 8-11 điểm; Nghe/ đọc: 8-13 điểm)	B2	TDN4	B2	
Bậc 5	C1	C1	II (Viết/ nói: 12-24 điểm; Nghe/ đọc: 14-24 điểm)	C1	TDN5	C1	

5. Tiếng Nhật

Khung năng lực ngoại ngữ VN	JLPT	NAT-TEST	J-TEST	Bài thi ĐGNLNN tiếng Nhật bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	N3	3Q	500	C1
Bậc 4	N2	2Q	600	
Bậc 5	N1	1Q	700	

6. Tiếng Hàn

Khung năng lực ngoại ngữ VN	TOPIK	Bài thi ĐGNLNN tiếng Hàn bậc 5 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN
Bậc 3	II (bậc 3)	C1
Bậc 4	II (bậc 4)	
Bậc 5	II (bậc 5)	

3.2 Việc hoàn trả học phí NN2

Việc hoàn trả học phí các học phần ngoại ngữ 2 do phòng Đào tạo phối hợp với phòng Kế hoạch Tài chính thực hiện, được tiến hành vào đợt xét tốt nghiệp cuối cùng của khóa học (04 năm) theo thông báo của nhà Trường (thường được ban hành vào giữa tháng 7). Việc hoàn trả áp dụng đến hết khóa sinh viên QH.2016.

Từ QH.2017 đến QH.2021, việc học đầy đủ các học phần ngoại ngữ theo lộ trình là bắt buộc. Những sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ để miễn học từ đầu khóa học (khi tuyển sinh vào trường) mới đủ điều kiện để hoàn trả học phí các HP được miễn (căn cứ theo quy định thu học phí của Phòng Kế hoạch Tài chính ban hành). Sinh viên cần giải đáp các thắc mắc về mức thu học phí, liên hệ Phòng Kế hoạch – Tài chính, tầng 2 nhà A1 để được giải đáp.

Từ QH.2022, sinh viên không được hoàn trả các học phần ngoại ngữ được miễn. Sinh viên cần học các học phần thay thế cho hp NN2 được miễn.

4. Quy định về việc hạn kiểm các chứng chỉ ngoại ngữ

4.1 Lịch nộp chứng chỉ

Để phục vụ cho việc phủ điểm và xác định Chuẩn đầu ra các học phần NN2 hàng năm, Phòng Đào tạo thông báo về lịch nộp và quy trình nhận các chứng chỉ ngoại ngữ trong 04 đợt. Quy trình nộp chứng chỉ ngoại ngữ Vstep và các chứng chỉ còn lại không giống nhau. Sinh viên cần phân biệt rõ và nắm được quy trình để tránh phiền phức trong các thủ tục hành chính phát sinh.

Thông thường, Vào 10 ngày đầu các tháng 2,5,7, 9,11 P. Đào tạo sẽ tiến hành thu các chứng chỉ để miễn học cho sinh viên. Sinh viên cần thực hiện theo hướng dẫn được ban hành định kì đầu mỗi năm để biết được lịch nộp chứng chỉ.

4.2 Quy trình:

Với các chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế: IELTS, TOEIC, TOPIK, JLPT, HSK, chứng chỉ Vstep của các đơn vị ngoài Ulis cấp.

Sinh viên nộp bản sao (không cần công chứng, không cần bản dịch) cùng “đơn xin xác nhận trình độ ngoại ngữ” tại Phòng Đào tạo, P.107 nhà A1. Đơn tải từ địa chỉ:

<http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhgg/van-ban-bieu-mau-nn-trong-dhgg/>.

- Khai báo đầy đủ thông tin vào đơn online theo link goo.gl/9eqotU. Link chỉ mở để sinh viên khai báo khi đến hạn đăng kí.

Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận đơn, Phòng Đào tạo sẽ ra Quyết định miễn học và công nhận điểm cho sinh viên. Quyết định kèm danh sách sinh viên được miễn học phần ngoại ngữ được gửi về các Khoa đào tạo để phối hợp thực hiện và lưu trữ. Sinh viên đến Văn phòng khoa để biết kết quả hoặc có thể xem tại website: <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/nn-trong-dhgg/ket-qua-hoc-tap-nn-trong-dhgg/>.

Với các chứng chỉ Vstep:

- Sinh viên có chứng chỉ Vstep, đã đăng kí thi với tư cách là sinh viên của ĐHQGHN (kể cả sinh viên đăng kí dự thi với tư cách thí sinh tự do hay thí sinh trong VNU) tải “Đơn cập nhật điểm NN2” trên Portal sinh viên, nộp cho văn phòng khoa.

- Giáo vụ khoa kiểm tra, lập danh sách bản mềm, bản cứng có chữ kí BCN Khoa và chuyển cho Phòng Đào tạo vào cuối mỗi học kì (trước 30/05 và 30/12 hàng năm) hoặc trước mỗi đợt xét tốt nghiệp để tiến hành phủ điểm và cập nhật điểm ngoại ngữ 2 cho sinh viên. Lịch nộp Chứng chỉ Vstep do VPK thông báo.

5. Đăng kí lớp học phần ngoại ngữ 2 và việc học lại, học cải thiện điểm.

5.1 Đăng kí LHP

Đầu mỗi học kì, Nhà Trường ban hành thông báo về việc mở các LHP dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh và tình hình thực tế. Sinh viên tiến hành đăng kí LHP phù hợp với nhu cầu và lịch học của mình. Việc mở

Portal để đăng kí thông thường diễn ra trong 03 đợt, bao gồm 2 đợt điều chỉnh và 01 đợt chính thức cuối cùng. Sinh viên có trách nhiệm đọc kĩ các thông báo, yêu cầu của Nhà trường để tránh nhầm lẫn trong việc đăng kí LMH.

Sinh viên đăng kí sai đối tượng, không đúng theo kết quả bài thi sát hạch, hủy kết quả đăng kí LHP không đúng thời hạn trong thông báo sẽ bị xem xét kỉ luật tùy mức độ vi phạm. Thời khóa biểu chính thức cũng sẽ được ban hành sau khi kết thúc các đợt đăng kí LHP. Sinh viên không được tự ý hủy/ thay đổi lớp học hoặc nghỉ học sau khi đã kết thúc đợt đăng kí cuối cùng.

5.2 Đăng kí học lại, học cải thiện điểm

Theo quy chế đào tạo, sinh viên có tích lũy điểm D hoặc D+ được phép đăng kí học cải thiện điểm. Sinh viên bị điểm F coi như chưa tích lũy học phần, và được phép đăng kí học và thuộc đối tượng đăng kí học lại. Từ khóa QH.2019, việc đăng kí học lại và học cải thiện điểm đều được thực hiện trên Portal. Sinh viên cần theo dõi thông báo về việc học lại, học cải thiện điểm được ban hành định kì và thực hiện theo hướng dẫn.

- Sinh viên chỉ được miễn và dừng học các học phần ngoại ngữ trong trường hợp đã có tên trong Quyết định miễn học được P. Đào tạo ban hành và hoàn thành học phần đã đăng kí.

- Trường hợp sinh viên tự ý bỏ học giữa chừng, nếu không hoàn thành học phần đang học dở, Phòng Đào tạo từ chối xét miễn học, miễn thi đối với các học phần chưa tích lũy và portal ghi nhận điểm bình thường.

5.3 Đổi ngoại ngữ 2

Nhà Trường không khuyến khích sinh viên đổi ngoại ngữ 2 và khuyến cáo **sinh viên cân nhắc kĩ trước khi chọn NN2 muốn học**. Sinh viên chỉ được phép đổi ngoại ngữ 2 trong phạm vi 01 năm đầu tiên của khóa học. Trong trường hợp đổi ngoại ngữ 2, sinh viên cần thực hiện các bước sau:

- Viết đơn xin đổi NN2 (trong đó trình bày rõ lí do muốn đổi. Đơn viết tay, không có mẫu), nộp kèm cùng chứng chỉ ngoại ngữ đã đạt được vào các đợt thu chứng chỉ.

5.4 Mã học phần (Áp dụng từ học kì 1 năm học 2019 -2020)

STT	Tên học phần	Mã	Thời lượng giai đoạn 1	Thời lượng giai đoạn 2	Tổng số giờ
1	Tiếng Anh B1	FLF1107B	60	60	120
2	Tiếng Anh B2	FLF1108***	120	0	120
3	Tiếng Pháp B1	FLF1307B	60	60	120
4	Tiếng Pháp B2	FLF1308***	60	60	120
5	Tiếng Trung B1	FLF1407B	60	60	120
6	Tiếng Trung B2	FLF1408***	60	60	120
7	Tiếng Đức B1	FLF1507B	60	60	120
8	Tiếng Đức B2	FLF1508***	60	60	120
9	Tiếng Nhật B1	FLF1607B	60	60	120
10	Tiếng Nhật B2	FLF1608***	60	60	120
11	Tiếng Hàn B1	FLF1707B	60	60	120
12	Tiếng Hàn B2	FLF1708***	60	60	120
13	Tiếng Thái B1	FLF1907B	60	60	120
14	Tiếng Thái B2	FLF1908***	60	60	120
15	Tiếng Lào B1	FLF2207B	60	60	120
16	Tiếng Lào B2	FLF2208***	60	60	120

6. Các địa chỉ cần biết:

1. Phòng Đào tạo trường: P.107 nhà A1. Chuyên viên phụ trách NN2: Nguyễn Việt Hòa
viethoann47@gmail.com.
2. Trung tâm Khảo thí trường: P.106 nhà A4.
(Để đăng kí thi chứng chỉ Vstep, IELTS)
3. Văn phòng Khoa Tiếng Anh: Tầng 5 nhà B2.
4. Văn phòng Khoa tiếng Pháp: Tầng 1 C3 Công trình khoa Pháp.
5. Văn phòng Khoa tiếng Trung: Tầng 5 nhà B2
6. Văn phòng Khoa tiếng Đức: Tầng 2 nhà A3
7. Văn phòng Khoa tiếng Nhật: Tầng 2 nhà A4
8. Văn Phòng Khoa tiếng Hàn: Tầng 2 nhà A3
9. Văn phòng Bộ môn NNVH ĐNA: Tầng 3 nhà A1
10. Văn phòng Ban chỉ đạo các CTĐT CLC TT23: Phòng 107 nhà A1
11. Phòng Hợp tác Phát triển: Tầng 4 nhà A1
(Để đăng kí thi chứng chỉ HSK, HSK K)
12. Văn phòng Trung tâm Hợp tác và Phát triển Việt Nhật: Phòng 304 nhà B2
(Để đăng kí thi chứng chỉ JLPT)